

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 – 9 - 2022

“*V/v Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN
DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ - PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thành Trung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tùng Linh và bà Đào Thị Ngâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2022/TLST- HNGĐ ngày 16/8/2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị K, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Tấn T, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị K trình bày: Chị và anh Võ Tấn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn năm 1998, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/1998 ngày 24/7/1998, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, anh T không chăm lo gia đình dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn. Năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay được hơn 06 năm, không ai chăm sóc quan tâm lẫn nhau. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Hoàng G, sinh năm 1999 và cháu Võ Ngọc Khánh V, sinh năm 2015. Hiện nay, các cháu đều đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, hiện tại cháu G đã trưởng thành có thể tự lao động, nuôi sống bản thân cho nên chúng tôi không yêu cầu. Vì vậy, chúng tôi thống nhất, tôi là người

trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vào ngày 01/3/2022, Tòa án nhận được đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải tiền tố tụng. Trong đơn, chị K yêu cầu Tòa án không tiến hành tiền tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Phía bị đơn, anh Võ Tấn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Võ Tấn T đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo số điện thoại chị Đinh Thị K cung cấp trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án có liên hệ với anh Võ Tấn T qua số điện thoại: 086.916.5570. Vào ngày 01/3/2022, ***qua đơn xin giải quyết yêu cầu vụ án vắng mặt bị đơn anh Võ Tấn T gửi đến Tòa án trình bày:***

Tôi và chị K tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết năm 1998, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/1998 ngày 24/7/1998, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay được hơn 06 năm, không ai chăm sóc quan tâm lẫn nhau. Nay, tôi thống nhất theo như lời trình bày, quan điểm của chị K. Về quan hệ hôn nhân, nay chị K ly hôn thì tôi thống nhất, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chúng tôi. Về nuôi con chung, hiện cháu G đã trưởng thành có thể tự lao động, tự nuôi sống bản thân cho nên chúng tôi thống nhất giao cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Võ Ngọc Khánh V, sinh năm 2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. *Về tài sản chung:* Chúng tôi tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Về nợ chung:* Không có.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị K và anh Võ Tấn T tự nguyện tìm

hiếu và đi đến kết hôn năm 1998, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/1998 ngày 24/7/1998, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, anh T nhiều lần ngoại tình, không chăm lo gia đình dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn. Năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay được hơn 06 năm, không ai chăm sóc quan tâm lẫn nhau. Tại phiên tòa, chị Đinh Thị K không đồng ý đoàn tụ, cương quyết xin ly hôn với anh Võ Tấn T. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay đã hơn 06 năm, không còn quan tâm đến nhau là không thực hiện đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Việc chị Đinh Thị K yêu cầu xin ly hôn với anh Võ Tấn T là chính đáng, có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Võ Hoàng G, sinh năm 1999 và cháu Võ Ngọc Khánh V, sinh năm 2015. Nguyên đơn chị K và bị đơn anh T đều thống nhất, chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu G đã trưởng thành có thể tự lao động, nuôi sống bản thân cho nên nguyên đơn chị K và bị đơn anh T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, nguyên đơn chị K và bị đơn anh T đều thống nhất, nguyên đơn chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V, không yêu cầu bị đơn anh T cấp dưỡng nuôi con. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy về vấn đề con chung là có căn cứ, có cơ sở và đúng pháp luật nên chấp nhận. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn chị K và bị đơn anh T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này, nguyên đơn chị Đinh Thị K và bị đơn anh Võ Tấn T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì nguyên đơn chị Đinh Thị K và bị đơn anh Võ Tấn T đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Đinh Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị K. Chị Đinh Thị K được ly hôn với anh Võ Tấn T.

[2] *Về con chung:* Giao 02 con chung là cháu Võ Hoàng G, sinh năm 1999 và cháu Võ Ngọc Khánh V, sinh năm 2015 cho nguyên đơn chị Đinh Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện, cháu G đã trưởng thành và đủ tuổi thành niên, nguyên đơn chị Đinh Thị K không yêu cầu nên không xem xét. Do đó, giao cháu Võ Ngọc Khánh V, sinh năm 2015 cho nguyên đơn chị Đinh Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bị đơn anh Võ Tấn T cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn chị Đinh Thị K và bị đơn anh Võ Tấn T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét về vấn đề tài sản chung và nợ chung.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn chị Đinh Thị K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007522 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa. Nguyên đơn chị Đinh Thị K đã nộp đủ án phí.

Án sơ thẩm công khai các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn chị Đinh Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn anh Võ Tấn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã B, TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thành Trung